

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH TÂY NINH Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

Số: 004 /QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 07 tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố nội dung quy trình giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Sở Tài nguyên và Môi trường để thực hiện tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Tây Ninh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2223/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2017 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc chuyển giao chức năng, nhiệm vụ kiểm soát TTHC, cải cách TTHC, tổ chức triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2487/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Trung tâm Hành chính công tỉnh Tây Ninh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1258/TTr-STNMT ngày 07 tháng 3 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này nội dung quy trình giải quyết cụ thể 78 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Sở Tài nguyên và Môi trường để thực hiện tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Tây Ninh.

(Có danh mục, nội dung quy trình giải quyết các TTHC kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Bãi bỏ toàn bộ danh mục và nội dung các thủ tục hành chính (cấp tỉnh) thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường được Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh công bố tại Quyết định số 2880/QĐ-UBND ngày 30/11/2017.

Điều 3. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm niêm yết công khai toàn bộ nội dung quy trình giải quyết các thủ tục hành chính tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Tây Ninh, công khai trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, kịp thời tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh công bố sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của pháp luật và thực hiện các thủ tục hành chính này cho cá nhân, tổ chức đúng với nội dung đã công bố tại Quyết định này.

Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm hướng dẫn cơ quan, đơn vị cập nhật đầy đủ nội dung quy trình giải quyết các thủ tục hành chính lên Cổng dịch vụ công trực tuyến và Hệ thống một cửa điện tử tập trung của tỉnh theo quy định.

Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm cập nhật nội dung quy trình giải quyết các thủ tục hành chính lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính tại địa chỉ <http://csdl.thutuchanhchinh.vn> theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Trung tâm Hành chính công tỉnh Tây Ninh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Tây Ninh và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC - VP Chính phủ;
- TT:TU, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LDVP: KSTT;
- Lưu: VT, KSTT, VP.UBND tỉnh.

CHƯNG

20

10/ **CHỦ TỊCH**
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Ngọc

**BỘ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THỰC HIỆN TẠI TRUNG TÂM
HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH TÂY NINH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 609/QĐ-UBND ngày 03 tháng 2 năm 2018 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)



**DANH MỤC BỘ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THỰC HIỆN TẠI
TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH TÂY NINH**

ST T	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Trang
01	Thủ tục thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	Đất đai	
02	Thủ tục giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	Đất đai	
03	Thủ tục giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	Đất đai	
04	Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức	Đất đai	
05	Thủ tục thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của tổ chức, cơ sở tôn giáo, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Đất đai	
06	Thủ tục thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng	Đất đai	
07	Thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	Đất đai	
08	Thủ tục đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	Đất đai	
09	Thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	Đất đai	
10	Thủ tục đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	Đất đai	
11	Thủ tục đăng ký bổ sung tài sản gắn liền với đất vào giấy chứng	Đất đai	

	nhận đã cấp		
12	Thủ tục đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được nhà nước giao đất để quản lý	Đất đai	
13	Thủ tục đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở	Đất đai	
14	Thủ tục đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01/7/2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	Đất đai	
15	Thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng	Đất đai	
16	Thủ tục bán hoặc góp vốn tài sản gắn liền với đất thuê của nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	Đất đai	
17	Thủ tục xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất	Đất đai	
18	Thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; chuyển quyền sử dụng đất của hộ gia đình vào doanh nghiệp tư nhân	Đất đai	
19	Thủ tục đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận	Đất đai	
20	Thủ tục đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	Đất đai	
21	Thủ tục đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề	Đất đai	
22	Thủ tục gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	Đất đai	
23	Thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa đất	Đất đai	
24	Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	Đất đai	
25	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại trang bổ sung của giấy chứng nhận do bị mất	Đất đai	
26	Thủ tục đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	Đất đai	
27	Thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền	Đất đai	

	với đất phát hiện		
28	Thủ tục đăng ký, xóa đăng ký thế chấp bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	Đất đai	
29	Thủ tục cung cấp thông tin đất đai từ hồ sơ địa chính	Đất đai	
30	Thủ tục đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	Đất đai	
31	Thủ tục chuyển nhượng vốn đầu tư giá trị là quyền sử dụng đất	Đất đai	
32	Thủ tục cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản.	Khoáng sản	
33	Thủ tục gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản.	Khoáng sản	
34	Thủ tục chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản.	Khoáng sản	
35	Thủ tục trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc một phần diện tích thăm dò khoáng sản.	Khoáng sản	
36	Thủ tục cấp Giấy phép khai thác khoáng sản.	Khoáng sản	
37	Thủ tục gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản.	Khoáng sản	
38	Thủ tục chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản.	Khoáng sản	
39	Thủ tục trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc một phần diện tích khai thác khoáng sản.	Khoáng sản	
40	Thủ tục cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.	Khoáng sản	
41	Thủ tục gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.	Khoáng sản	
42	Thủ tục trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.	Khoáng sản	
43	Thủ tục phê duyệt trữ lượng khoáng sản	Khoáng sản	
44	Thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản	Khoáng sản	
45	Thủ tục đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản	Khoáng sản	
46	Thủ tục đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt	Khoáng sản	
47	Thủ tục đăng ký khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích đất của dự án đầu tư xây dựng công trình đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó.	Khoáng sản	
48	Thủ tục tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	Khoáng sản	
49	Thủ tục cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm.	Tài nguyên nước	
50	Thủ tục gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm.	Tài nguyên nước	
51	Thủ tục cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm.	Tài nguyên nước	
52	Thủ tục gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm.	Tài nguyên nước	
53	Thủ tục cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m ³ /ngày đêm; Cấp giấy phép khai thác,	Tài nguyên nước	

	sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000m ³ / ngày đêm.		
54	Thủ tục gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m ³ /ngày đêm; Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000m ³ / ngày đêm.	Tài nguyên nước	
55	Thủ tục cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm đối với các hoạt động khác.	Tài nguyên nước	
56	Thủ tục gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m ³ /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm đối với các hoạt động khác.	Tài nguyên nước	
57	Thủ tục cấp lại giấy phép tài nguyên nước.	Tài nguyên nước	
58	Thủ tục cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ.	Tài nguyên nước	
59	Thủ tục gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ.	Tài nguyên nước	
60	Thủ tục cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất.	Tài nguyên nước	
61	Thủ tục lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh.	Tài nguyên nước	
62	Thủ tục chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước	Tài nguyên nước	
63	Thủ tục thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường	Môi trường	
64	Thủ tục thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản (trường hợp có phương án và báo cáo đánh giá tác động môi trường cùng một cơ quan thẩm quyền phê duyệt).	Môi trường	
65	Thủ tục thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đối với hoạt động khai thác khoáng sản (trường hợp có phương án và báo cáo đánh giá tác động môi trường cùng một cơ quan thẩm quyền phê duyệt)	Môi trường	
66	Thủ tục cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án	Môi trường	
67	Thủ tục xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường	Môi trường	
68	Thủ tục thẩm định, phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết	Môi trường	
69	Thủ tục xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản	Môi trường	
70	Thủ tục thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản (trường hợp có phương án và báo cáo đánh giá tác động môi trường không cùng cơ quan thẩm quyền phê duyệt)	Môi trường	
71	Thủ tục thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đối với hoạt động khai thác khoáng sản (trường hợp có phương án và báo cáo đánh giá tác động môi trường không cùng cơ quan thẩm quyền phê duyệt)	Môi trường	
72	Thủ tục xác nhận hoàn thành từng phần phương án cải tạo phục hồi	Môi trường	

	môi trường, phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung đối với hoạt động khai thác khoáng sản		
73	Thủ tục chấp thuận điều chỉnh về quy mô, quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật, danh mục ngành nghề trong khu công nghiệp	Môi trường	
74	Thủ tục cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Môi trường	
75	Thủ tục cấp lại sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại	Môi trường	
76	Thủ tục cấp giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất	Môi trường	
77	Thủ tục cấp lại giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (trường hợp giấy xác nhận hoặc hư hỏng)	Môi trường	
78	Thủ tục cấp lại giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (trường hợp giấy xác nhận hết hạn)	Môi trường	